

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/DS-PT

Ngày: 20-3-2026

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, đòi lại giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Diễn

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 60/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim A – sinh năm 1972; địa chỉ: Số C đường Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Tạ Thị Thanh T – sinh năm 1966 và ông Phạm Viết P – sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Số E đường T, tổ dân phố G, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T1 – sinh năm 1970; địa chỉ: Số C đường Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Tạ Thị Thanh T và ông Phạm Viết P là bị đơn.

(Bà Đặng Thị Kim A, ông Phạm Viết P có mặt; ông Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Tạ Thị Thanh T vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/01/2025; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Kim A trình bày:*

Bà và ông Lê Văn T1 là vợ chồng. Ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T là vợ chồng. Giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Phạm Viết P là chỗ thân quen biết nhau. Trước đó, bà Tạ Thị Thanh T và ông Phạm Viết P nhiều lần mượn tiền của bà; tính đến ngày 20/01/2023, bà T và ông P đã mượn của bà tổng cộng là 1.500.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì bà T, ông P trả tiền lãi cho bà hàng tháng là 1%. Đến ngày 20/5/2023, bà T, ông P vay tiếp của bà số tiền 100.000.000 đồng nên bà đã yêu cầu ông P, bà T viết giấy vay tiền để chốt số tiền vay đến ngày 20/5/2023. Ông Phạm Viết P viết giấy vay số tiền 1.600.000.000 đồng; thời gian trả nợ từ ngày 20/5/2023 đến ngày 20/5/2024; tiền lãi hàng tháng ông P, bà T phải trả cho bà là 16.000.000 đồng (lãi suất 1%/tháng).

Giấy vay tiền ngày 20/5/2023 có chữ viết, chữ ký của ông P; hàng chữ “Ngày 20/1 chị T mượn Tý, các đợt Tổng cộng 1 tỷ 500 triệu đồng chẵn; trả lãi đến ngày 20/5 chị T mượn em T2 các đợt là 1 tỷ 600 triệu đồng” ở trên những chữ ông P viết là chữ của bà T viết.

Số tiền vay 1.600.000.000 đồng ngày 20/5/2023 là các khoản vay của nhiều đợt cộng lại của bà T và ông P, không phải vay 01 lần nên đây là nợ chung của bà T và ông P. Khi vay tiền của bà; ông P, bà T nói vay để kinh doanh mua hàng khuyến mãi.

Khi vay ông P và bà T có đưa cho bà cầm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý biến động sang tên cho bà Tạ Thị Thanh T tại thửa đất số 165, tờ bản đồ 43, địa chỉ phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Số vào sổ GCN CS 008005) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp để làm tin khi cho vay tiền.

Trong quá trình vay tiền, vợ chồng ông P, bà T đã trả cho bà được 80.000.000 đồng (tiền lãi); sau đó không trả tiền lãi nữa. Tiền vay gốc thì ông P,

bà T hẹn đến ngày 20/5/2024 trả nhưng cũng không thực hiện trả nợ. Ông P, bà T không thực hiện như cam kết về việc trả nợ gốc và tiền lãi cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà T phải trả nợ; ông P, bà T luôn hứa hẹn, nhưng không chịu trả nợ. Ông P, bà T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T phải trả cho bà toàn bộ số tiền vay gốc là 1.600.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2025 là (16.000.000 đồng/tháng x 02 năm 04 tháng 07 ngày) - 80.000.000 đồng = 371.700.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.971.700.000 đồng.

** Tại đơn phản tố đề ngày 19/8/2025; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T trình bày:*

Trong quá trình làm ăn, bị đơn bà Tạ Thị Thanh T có mượn tiền của bà Đặng Thị Kim A (T2) nhiều lần với tổng số tiền gần 1.400.000.000 đồng, nhưng do bị sự cố trong làm ăn nên bà T chậm trả nợ cho bà A. Sau nhiều lần bị đòi nợ, ông Phạm Viết P đứng ra cùng bà T lập Giấy vay tiền ngày 20/5/2023, trong đó ghi nhận tổng số tiền ông bà nợ bà A tính cả tiền lãi tổng cộng là 1.600.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng. Để làm tin với bà A, ông bà tự nguyện giao cho bà A giữ 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 43, phường N (nay là phường C), số vào sổ GCN CS 08005 do Sở T cấp đứng tên ông bà. Ông, bà vẫn trả tiền lãi cho bà A đến tháng 12/2024, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Bà A khởi kiện vợ chồng ông bà trong khi không gửi cho ông bà bất kỳ thông báo yêu cầu trả nợ nào.

Nay bà A khởi kiện, buộc ông bà phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi thì ông bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị Kim A phải trả cho ông, bà (bản gốc) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 43, phường N (nay là phường C), số vào sổ GCN CS 08005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã cấp đứng tên Phạm Viết P, Tạ Thị Thanh T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T1 trình bày: Ý kiến của vợ ông là bà Đặng Thị Kim A cũng chính là ý kiến của ông. Ông thống nhất không có bổ sung gì thêm. Vì tính chất công việc, ông làm đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các buổi lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên toà xét xử vụ án.*

** Bản án số 64/2025/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim A, buộc ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T phải trả cho bà Đặng Thị Kim A

và ông Lê Văn T1 số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và 371.700.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T phải trả cho bà Đặng Thị Kim A và ông Lê Văn T1 số tiền 1.971.700.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T. Buộc bà Đặng Thị Kim A và ông Lê Văn T1 phải trả cho ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 667052, số vào sổ GCN CS 08005 do Sở T cấp ngày 30/6/2017 cho ông Nguyễn Tấn T3, bà Bùi Thị L; ngày 29/5/2023, Văn phòng Đ chỉnh lý biên động tại trang 3 quyền sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ số 43, phường N (nay là phường C) cho ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 26/10 và ngày 06/11/2025, ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T có Đơn kháng cáo, Đơn kháng cáo sửa đổi bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim A, buộc bà Tạ Thị Thanh T trả nợ cho bà A với số tiền 1.971.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim A về việc buộc ông Phạm Viết P phải liên đới cùng bà Tạ Thị Thanh T trả nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bà Tạ Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt, không có lý do nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thị Thanh T.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Tạ Thị Thanh T; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Viết P; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 28/9/2025

của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 28/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên, bị đơn là ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T đều vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 11/10/2025, ông P, bà T nhận được bản án dân sự sơ thẩm và ngày 26/10/2025, ông P, bà T gửi đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn bà Tạ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Bên cạnh đó, bà Tạ Thị Thanh T là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thị Thanh T.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Phạm Viết P:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận bà Tạ Thị Thanh T có vay tiền của bà Đặng Thị Kim A. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về số tiền vay và lãi suất vay, bị đơn bà Tạ Thị Thanh T xác định tổng số tiền 1.600.000.000 đồng trong Giấy vay tiền ngày 20/5/2023 là số tiền cá nhân bà mượn của bà A nhiều lần, cộng với một phần tiền lãi hơn 200.000.000 đồng do bà A tự tính rồi báo cho bà và ông P ghi vào giấy vay tiền; giấy vay tiền thỏa thuận 1% là thỏa thuận tính từ ngày 20/5/2023, còn trước ngày 20/5/2023, bà đã trả cho bà A tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng cho số tiền vay nêu trên. Tuy nhiên, quá trình tham gia vụ án, bà T không có yêu cầu phản tố đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà A đã yêu cầu khởi kiện. Theo đơn kháng cáo đề ngày 26/10/2025; đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung đề ngày

06/11/2025, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông P chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà T trả nợ cho bà A với số tiền 1.971.700.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc ông P phải liên đới cùng bà T trả nợ. Do đó, xem như các bên đương sự đã thống nhất với số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 28/9/2025 là 1.971.700.000 đồng.

[3.3] Xét nội dung kháng cáo cho rằng ông Phạm Viết P không liên quan đến việc vay tiền, không phải liên đới cùng bà Tạ Thị Thanh T trả nợ cho bà Đặng Thị Kim A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.3.1] Tại Bản tự khai đề ngày 05/5/2025 (bút lục số 48), bà A xác định trong giấy vay tiền mà bà đã giao nộp thì nội dung: “Ngày 20/1 chị T mượn T2 các đợt là: (1 Tỷ 600 triệu đồng)” do bà T viết; chữ viết tay có nội dung: “Ngày 20/5/2023 đến ngày 20/5/2024, tôi sẽ trả tiền cho em T2 số tiền trên (1 tỷ 600 triệu) hàng tháng tôi sẽ trả 16.000.000 trên một tháng (mười sáu triệu)” là chữ của ông P; còn hàng chữ: “có gửi cho Tý 1 số đồ 300m² đất thửa số 165, tờ bản đồ 43” là chữ bà T viết; chữ ký và chữ viết tên “Phạm Viết P” là chữ ký, chữ viết của ông P.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29/7/2025 (bút lục số 75-76), bà T cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký tên trong giấy vay tiền nêu trên là chữ viết, chữ ký của bà và ông P.

Tuy nhiên, theo Đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung đề ngày 06/11/2025 (bút lục số 156), ông P, bà T cho rằng việc ông P đứng tên trong giấy vay tiền là vì bà A đến nhà đòi nợ, gây ồn ào, sợ ảnh hưởng đến tính mạng trong lúc sức khỏe yếu nên ông P mới chấp nhận ký tên cùng bà T nhận nợ; ông P có công việc làm ăn riêng đủ khả năng chăm lo kinh tế gia đình, không liên quan đến việc vay mượn. Bà T khẳng định bà nợ tiền bà A là để xử lý các khoản nợ cá nhân; bản thân chồng bà đau ốm suốt nhiều năm qua, không hề can thiệp, không biết đến các giao dịch bên ngoài của bà; nhưng ông P, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp.

[3.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Viết P cung cấp tài liệu là các bảng sao kê tài khoản ngân hàng của bà Tạ Thị Thanh T mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N (tên viết tắt là V). Trong đó thể hiện bà T đã chuyển cho ông Lê Văn T1 tổng số tiền là 2.020.000.000 đồng vào ngày 06/01/2023. Ông P trình bày: Số tiền 2.020.000.000 đồng là tổng số tiền gồm cả gốc và lãi theo những lần gọi điện thoại, thúc giục trả nợ của bà A. Từ đầu vợ chồng ông đều trình bày Giấy mượn tiền ngày 20/5/2023 là giấy chót nợ mà tổng số tiền ghi

trong đó là dưới sự tính toán của bà A chứ không có việc hai bên cùng ngồi lại để chốt số nợ; bà T khẳng định trước Giấy mượn tiền trên thì giữa bà T và bà A có tồn tại 01 quyển sổ do bà A giữ, trong đó có nội dung do hai bên cùng thống nhất ghi nhận lại từng lần bà A cho bà T mượn tiền (Văn bản trình bày đề ngày 19/3/2026). Tuy nhiên, ông P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Hơn nữa, nguyên đơn bà Đặng Thị Kim A không thống nhất với lời trình bày của ông P; bà A cho rằng số tiền 2.020.000.000 đồng là tiền mà bà T, ông P thanh toán cho bà đối với các khoản nợ trước đó vì bà T, ông P vay nợ bà nhiều lần.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T chuyển tiền cho ông Lê Văn T1 với tổng số tiền là 2.020.000.000 đồng vào ngày 06/01/2023 là trước thời gian xác lập nợ tại Giấy vay tiền ngày 20/5/2023 (bút lục số 35) nên lời trình bày của ông P nêu trên là không có cơ sở.

[3.3.3] Mặt khác, tại Đơn xin xem xét và đề nghị thay đổi ngày hòa giải đề ngày 14/8/2025 (bút lục số 82), ông P và bà T đã trình bày: Ông bà luôn mong muốn được trả nợ nhưng vì bản thân vợ chồng ông bà cũng là nạn nhân cho người khác vay mượn tiền với số tiền hàng chục tỷ mà không trả mới dẫn đến nguyên nhân ông bà chưa kịp thanh toán nợ cho bà A. Tại Đơn phản tố đề ngày 19/8/2025 (bút lục số 86), ông P, bà T thừa nhận để làm tin với bà A, ông bà đã tự nguyện giao cho bà A giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ số 43, phường N, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi; ông bà vẫn trả tiền lãi cho bà A đến tháng 12/2024, tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định ông P có biết việc bà T vay tiền của bà A, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà A là đúng với quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông P. Tuy nhiên, cách tuyên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm là còn chưa rõ ràng nên Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên cho chính xác.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông P, bà T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông P là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002386 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; bà T đã nộp và chi phí xong.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thị Thanh T. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Viết P; sửa bản án số 64/2025/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi về cách tuyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim A. Buộc ông Phạm Viết P và bà Tạ Thị Thanh T có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Thị Kim A và ông Lê Văn T1 tổng số tiền nợ là 1.971.700.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 371.700.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T. Buộc bà Đặng Thị Kim A và ông Lê Văn T1 phải trả cho ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 667052, số vào sổ GCN CS 08005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Nguyễn Tấn T3, bà Bùi Thị L ngày 30/6/2017 đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 43, diện tích 300m², phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý chuyển nhượng tại trang 03 cho ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T ngày 29/5/2023.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.120.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000863 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi). Hoàn trả cho bà Đặng Thị Kim A số tiền 32.820.000 đồng.

Ông Phạm Viết P, bà Tạ Thị Thanh T phải chịu 71.151.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông P được miễn án phí dân sự sơ thẩm; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.575.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000856 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Tạ Thị Thanh T còn phải nộp 35.275.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.1. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Viết P được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Tạ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002386 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; bà T đã nộp và chi phí xong.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thuận

